

Bảo tồn các hiện vật bằng gỗ trong kiến trúc cộng đồng Việt Nam

Phạm Văn Thắng

1. Đặt vấn đề

Cổ vật mỹ thuật chất liệu gỗ trong kiến trúc đình làng chiếm một vị trí quan trọng, bởi nó bao phủ bề mặt nội thất rộng lớn ở các cấu kiện kiến trúc công trình như ở các ngôi đình làng Việt Nam (tiêu biểu là vùng Bắc Bộ) đã có từ trên 600 năm (Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, 2013); nên sự xuống cấp của kết cấu kiến trúc dẫn đến sự hư hoại các phần chạm khắc trang trí trên kiến trúc là tất yếu. Loại hình di sản kiến trúc đình làng có những khác biệt so với kiến trúc chùa - tháp; đình làng tương đối khép kín và gắn bó hàng trăm năm với mỗi cộng đồng làng xã; những yếu tố mang tính giới hạn không gian và tính chủ thể của đình làng khiến cho nguồn lực rất hạn chế trong tu tạo. Mặt khác, cũng chính điều này có phần giúp bảo lưu được tính nguyên gốc của di vật mỹ thuật trong kiến trúc đình làng do ít bị “xê dịch” bởi những can thiệp nhiều lần tu bổ như trong kiến trúc chùa Phật (Lê Văn Tạo, 2026, tr.710). Việc bảo tồn di sản mỹ thuật chất liệu gỗ trên kiến trúc đình làng Việt ngày nay là một thách thức to lớn từ các hướng tiếp cận kỹ thuật tôn tạo phục chế, cũng như nguồn lực và phương cách phát huy hữu hiệu của đình làng trong cuộc sống đương đại.

Hiện nay, hệ thống di vật chạm khắc gỗ trên kiến trúc đình làng Việt Nam là một thể loại di sản văn hóa mang tính độc đáo rất cần được nghiên cứu trong bảo tồn và phát triển trong bối cảnh đương đại. Nhiều ngôi đình hiện nay đã được công nhận là di tích cấp tỉnh và cấp quốc gia, có đặc điểm chất liệu sử dụng trong kết cấu kiến trúc mang tính phổ biến như: nền bó gạch đá, khung thân gỗ, mái lợp ngói trên sàn mái bằng gỗ thì rất khó đảm bảo tính bền vững với khí hậu vùng nhiệt đới như Việt Nam.

Kinh phí chống xuống cấp cho di tích đình làng do Nhà nước cấp hằng năm còn hạn chế, rất cần có những điều chỉnh phân cấp cho xã, phường đảm nhận một số hạng mục chống xuống cấp ở mức phù hợp như chống dột, chống lún cần thiết nhằm từng bước xã hội hóa công việc như trên một cách phù hợp.

Việc thiết kế các không gian văn hóa - kinh tế - du lịch ở cấp xã, phường và liên xã, phường ở bối cảnh phát triển hiện đại rất cần được các cấp xem xét đưa loại hình di sản đình làng tham dự vào hệ thống, nhằm khơi dậy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của đình làng Việt được phát huy một cách bền vững trong bối cảnh mới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Vấn đề nghiên cứu tiếp cận dưới góc nhìn liên ngành giữa mỹ thuật học, văn hóa học và bảo tồn di sản. Về phương pháp nghiên cứu, nghiên cứu sử dụng tổng hợp lý luận, phân tích - đối chiếu tài liệu thứ cấp và phương pháp phân tích mỹ thuật. Phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu được sử dụng nhằm hệ thống hóa các công trình nghiên cứu liên quan đến đình làng Việt Nam, nghệ thuật chạm khắc gỗ và bảo tồn di sản; phương pháp lịch sử: được vận dụng để làm rõ quá trình hình thành, phát triển của đình làng và nghệ thuật chạm khắc gỗ trong các giai đoạn lịch sử; phương pháp khảo sát thực tiễn được

thực hiện thông qua quan sát, ghi nhận hiện trạng di vật tại một số đình làng tiêu biểu, qua đó đánh giá mức độ xuống cấp và những vấn đề đặt ra trong bảo tồn; Phương pháp so sánh - đối chiếu được sử dụng nhằm nhận diện sự khác biệt về phong cách, kỹ thuật và bố cục tạo hình giữa các vùng miền và loại hình kiến trúc; phương pháp phân tích mỹ thuật được áp dụng để làm rõ đặc trưng tạo hình, biểu tượng và giá trị thẩm mỹ của các di vật chạm khắc gỗ. Việc kết hợp các phương pháp trên cho phép tiếp cận vấn đề một cách toàn diện, từ đó đưa ra những nhận định và đề xuất có cơ sở khoa học.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả

Nhiều tư liệu lịch sử cho rằng đình làng Việt đã có manh nha từ thời sơ sử, đến thời Lý - Trần xuất hiện “Đình trạm”. Về mặt thư tịch, đình làng xuất hiện muộn, trong ***Đại Việt sử ký toàn thư***: “Mạc Đăng Dung làm phản, chia quân làm hai đường thủy bộ tiến đánh Lê Chiêu Tông. Hai bên cầm cự thời gian, về sau nhà vua bị đánh úp vào ban đêm, hoảng hốt chạy lánh đến đình cũ làng Nhân Mục” (Ngô Đức Thọ, 1993, tr.580). Trong ***Đại Việt sử ký*** của Lê Văn Hưu cho biết “vào thuở hàn vi, Thượng Hoàng (Trần Thái Tông) có tới nghỉ tại một đình quán và được một thần nhân coi tướng đoán định rằng “người này về sau sẽ đại quý”, “nay nhà vua lệnh cho các nơi đem tượng Phật vào thờ”; Giai đoạn thế kỷ XV-XVI, những ngôi đình Việt được xem là hiện tồn có niên đại từ thời Mạc như Đình Lỗ Hạnh (ở xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh) được dựng vào niên hiệu Sùng Khang (1566-1577); đình Tây Đằng ở xã Quang Oai, Ba Vì, niên đại thế kỷ XVI; đình Phù Lưu (ở phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh), đình Yên Sở, Đắc Sở (xã Hoài Đức, Hà Nội)... Căn cứ vào một số di vật mỹ thuật hiện còn ở đình Phù Lưu có thể nhận định niên đại sớm nhất cũng ở thế kỷ XVI. Bên cạnh đó, tài liệu ***Bi ký*** cho biết, nhiều đình làng Việt có niên đại từ những năm cuối thế kỷ XVI (đình Nghênh Phúc, xã Lam Cầu, xã Gia Lộc, Hải Phòng) dựng năm Hưng Trị thứ 4 (1591); đình Đại Đoan (xã Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh) dựng năm Quý Ty, niên hiệu Diên Thành (1583), đình Trùng Hoài (xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên) thì ghi đình được xây dựng năm Diên Thành thứ 8 (1585) (Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, tr.43). Giai đoạn thế kỷ XVII-XVIII, ở miền Bắc, miền Trung, nhiều đình làng có giá trị lớn về văn hóa, kiến trúc, nghệ thuật, lịch sử như đình làng Hoành Sơn, Đình làng Trung Càn, Đình làng Đông Viên (Nghệ An), Đình làng Hội Thống (Hà Tĩnh)... (Trần Lâm Biền, 2014)...

Giá trị văn hóa của đình làng Việt

Đình làng Việt là một biểu tượng văn hóa độc đáo và tính thuần Việt sâu sắc, gần như làng xã nào cũng có đình, vùng Bắc Bộ là nơi khởi thủy và có nhiều đình lớn; đình thường được xây dựng ở vị trí có thể đẹp nhất, có giếng làng, cây cổ thụ, sân đình rộng lớn hội tụ khí đất thiêng liêng của một làng. Những thôn làng vùng đất mới khai khẩn mở rộng xuống phương Nam từ thế kỷ XVII đình làng vẫn được xem trọng, mặc dù quy mô hạn chế, hình thức biến cải cho phù hợp ngữ cảnh mới; nhưng người di dân Việt miền Trung hay Nam Bộ vẫn xem đình làng là nơi hội tụ thiêng liêng của cộng đồng. Những ngôi đình làng miền Trung điển hình như: đình làng Phú Xuân, Kim Long, An Cựu, Lại Thê ở Huế cho thấy những xê dịch rất linh hoạt trong chất liệu, hình thức kiến trúc và nghệ

thuật trang trí kiến trúc; điểm nổi bật của các ngôi đình làng ở xứ Huế là quy mô nhỏ, chất liệu vôi vữa chiếm tỷ lệ chính trong kiến trúc; nghệ thuật đắp vữa, ghép chất liệu sành sứ... được chú trọng trang trí trên mái và mặt trước đình; mỗi đình làng xứ Huế thường có thêm một cuốn thư làm bình phong, được đắp vữa màu, ốp sành sứ với các hình tứ linh đặt ngay trước sân. Trong khi đó các ngôi đình Hải Châu, đình Hòa Vang (Đồ Bàn)... ở Đà Nẵng vẫn còn chú trọng đến chạm khắc trang trí trên cấu kiện kiến trúc mặc dù đã có phần tiết giảm. Đình Thông Tây Hội ở Thành phố Hồ Chí Minh là một kiến trúc kết hợp đa phong cách, với 3 nếp nhà khung gỗ có mái song song chung máng xối tạo ra một không gian nội thất gần với dạng hình vuông, loại nhà trăm cột (một thức mandala), tuy nhiên hệ thống trang trí trên các hương án, ban thờ ở đình Thông Tây Hội được kết hợp bằng hình thức chạm nổi và vẽ sơn thếp vàng đã cho thấy một hơi thở từ cội nguồn của đình làng Bắc Bộ vẫn được bao dưỡng một cách rõ rệt.

Di vật chạm khắc gỗ trang trí trên kiến trúc đình làng

Một thành tựu của mỹ thuật ở thế kỷ XVII-XVIII mang tính điển hình chính là nghệ thuật chạm khắc gỗ trang trí trên kiến trúc đình làng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Tuy nhiên công bằng mà xét thì nghệ thuật chạm khắc gỗ Bắc Bộ có xuất xứ sớm nhất và có thể kiểm chứng được là trên những bộ ván khắc kinh Phật thời Đinh Lê và Lý Trần; sau đó là chạm khắc gỗ trên kiến trúc chùa Phật như ở chùa Thái Lạc là một minh chứng cho sự phát triển đa dạng ở kiến trúc đình làng (thế kỷ XVII, XVIII). Những thành tựu chạm khắc gỗ mang tính tiêu biểu nhất là các sáng tạo biểu tượng tín ngưỡng thiêng về Thành Hoàng làng, đó là không gian thiêng ở gian giữa tòa Đại đình và các bộ vì nằm ở hai bên khám thờ thường được nghệ nhân điêu khắc gỗ thỏa chí bay bổng sáng tạo. Trong đó, nghệ thuật chạm khắc cửa võng là một thể loại nghệ thuật được nghệ nhân quan tâm nhất ở kiến trúc đình làng Bắc Bộ hoặc Bắc Trung Bộ. Cửa võng là một lớp “áo” che chắn trước một mặt thất, khám thờ linh thiêng, nó là một điểm mở của một không gian như một cửa - cổng vào nơi ngự của Thần. Bộ cửa võng đình Diêm là một di sản văn hóa quốc gia, được công nhận là Bảo vật Quốc gia vào tháng 1/2020, một kiệt tác nghệ thuật chạm khắc gỗ tinh xảo bậc nhất thời Lê Trung hưng ở Bắc Bộ Việt Nam, ngoài ra các bộ cửa võng đình làng Thổ Hà (Bắc Ninh), đình Thổ Tang (Phú Thọ) - thuộc loại điển hình nhất trong hệ thống cửa võng đình làng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ở TK XVII-XVIII. Đồng thời, có thể kể đến bộ cửa võng ở Bảng Môn Đình (Thanh Hóa), bộ cửa võng được chạm khắc rồng ở nguyên khối độc đáo ở đình làng Hoành Sơn (Nghệ An) thế kỷ XVIII là một thể dạng mang tính chuyển tiếp của phong cách chạm khắc gỗ đình làng Bắc Bộ vào vùng Bắc Trung Bộ. Các vị trí chạm khắc gỗ trang trí trong đình làng có thể chia làm 3 dạng: vị trí trang trí ban thờ gian chính giữa là trung tâm ở tòa đại đình và là nơi ngự của Thần chủ; các vị trí ở hai bên gian giữa của tòa đại đình với ý thức “yểm” tại các vị trí quan trọng như phần đỉnh mái thuộc các bộ vì của 2 gian chái; các vì nách kiểu cốn mê được phủ kín chạm khắc tứ linh tứ quý và nhiều khi là những hoạt cảnh sôi động đời sống thực tế của làng xã; các vị trí là hình khối, đầu dư của kết cấu kiến trúc vốn là một điểm hạn chế của kiến trúc gỗ, nghệ nhân khắc phục “trang trí hóa” bằng cách chạm khắc các đầu rồng, lân; đôi khi các đầu dư này được biến cải thành một bộ đồ tượng một linh vật (tượng nghệ, chim phượng) như ở đình

Bảng, tượng voi, ngựa ở đình Chu Quyển; tượng Tiên nữ như ở đình Tây Đằng, đình Thụy Phiêu, đình Diêm...

Nghệ thuật điêu khắc gỗ đình làng Việt vùng Bắc Bộ còn được thể hiện trên các bộ đồ thờ, như một điểm nhấn. Đó là hương án, bát bửu, kiệu thờ được thể hiện rất tinh tế với những di vật gốc hiện tồn ở đình Thụy Phiêu, được xem là điển hình nhất, trong đó các bộ kiệu rước song loan và bát cống.

Hình thức kiến trúc và trang trí đình làng Việt

Hình thức kiến trúc và trang trí đình làng Việt là một đặc trưng mang dấu ấn thời gian phản ánh một thực tế linh hoạt giữa cái bất biến về tính công năng và tính khả biến về tính hình thức. Có thể phân loại các thức kiến trúc đình làng mang dư âm của ngôi nhà cộng đồng hiện tồn của người Tây Nguyên, hay dấu ấn kiểu nhà sàn của đồng bào Mường - Thái Tây Bắc. Những dấu ấn này có thể kiểm chứng ở kiến trúc và trang trí đình làng Bảng (Bắc Ninh), đình Chu Quyển với nền đất cách lớp sàn gỗ của các gian hai bên tòa đại đình ở gian giữa từ 70-100cm. Tại đình Bảng nhiều mảng họa tiết chạm khắc trên các xà hoành hoàn toàn đồng dạng với hoa văn hình quả trám lồng kết theo chiều ngang, một mô típ rất đặc trưng của người Mường - Thái Tây Bắc hiện nay. Kiến trúc đình làng có sàn gỗ cách mặt đất này từ cuối thế kỷ XVIII về sau không còn được duy trì, đồng thời, với nhóm đình làng có sàn gỗ như trên thường chú trọng đến hình thức trang trí nghiêm ngặt về tính chuẩn mực nho giáo, lấy hình tượng tứ linh, tứ quý làm chủ đạo và trang trí khám thờ, với hệ thống đồ thờ: bát bửu, ngựa thiêng, ngai kiệu, cửa võng thường được diễn tả hết sức cầu kỳ. Trong khi đó các ngôi đình ở cuối thế kỷ XVII và sang thế kỷ XVIII ở Bắc Bộ khác có xu hướng cởi mở hơn, chạm khắc trang trí chia 2 khu vực rõ rệt: gian giữa dành cho các biểu tượng mang hình ảnh thiêng liêng gắn với biểu tượng của Thần chủ như hình ảnh tứ linh, tứ quý; các gian bên thường mang đậm yếu tố dân gian. Những sáng tạo mang tính tùy hứng của các nghệ nhân được thể hiện trên các mảng chạm khắc đầy tính thế tục, kể cả những hình ảnh hoan lạc của trai gái; đó là khát vọng hay sự đồng nhất thần linh và thế tục theo tâm thức của người nông dân làng quê Việt đương thời. Có thể xem đây là dạng thức chạm khắc mang tính mô tả đời thực và được lý tưởng hóa mang tính ước vọng. Mô hình này được thể hiện một cách điển hình ở các kiến trúc đình làng Hưng Lộc (Ninh Bình), đình làng Hương Canh (Phú Thọ), đình Tây Đằng (Hà Nội), đình Thổ Tang (Phú Thọ)... Trong khi đó nhóm đình làng muộn hơn ở thế kỷ cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX ở Thanh - Nghệ lại mang theo những thức kiến trúc địa phương vùng giáp biển, độ dốc mái đình thường lớn hơn và nghệ thuật chạm khắc trang trí kiến trúc thường nhấn đậm đến sử liệu địa phương, cảnh nhà nông, hay đạo học (đình Thượng Phú ở Thanh Hóa, đình Trung Càn và đình Hoàn Sơn ở Nghệ An)...

3.2. Thảo luận

Từ các kết quả nghiên cứu, có thể thấy rằng việc bảo tồn di vật mỹ thuật chất liệu gỗ trong kiến trúc đình làng Việt Nam không chỉ là vấn đề kỹ thuật, mà là một bài toán tổng hợp mang tính liên ngành, liên quan chặt chẽ đến môi trường tự nhiên, cấu trúc kiến trúc và bối cảnh xã hội đương đại.

Trước hết, tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm là một yếu tố khách quan mang tính quy luật, gây ảnh hưởng trực tiếp và lâu dài đến độ bền của vật liệu gỗ. Tuy nhiên, trong điều kiện lịch sử, các nghệ nhân truyền thống đã có những giải pháp thích ứng nhất định về kết cấu và vật liệu. Điều này cho thấy, vấn đề không chỉ nằm ở yếu tố tự nhiên, mà còn ở việc kế thừa và vận dụng tri thức bản địa trong bảo tồn hiện nay còn hạn chế.

Bên cạnh đó, sự xuống cấp của kết cấu kiến trúc đình làng cho thấy mối quan hệ hữu cơ giữa “vật mang” (kiến trúc) và “nội dung nghệ thuật” (di vật chạm khắc). Khi cấu trúc mái, nền móng và hệ khung bị suy yếu, các di vật gỗ gắn liền cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Điều này đặt ra yêu cầu cần tiếp cận bảo tồn theo hướng tổng thể, thay vì chỉ tập trung vào từng yếu tố riêng lẻ.

Một vấn đề đáng chú ý khác là sự thiếu nhất quán trong công tác tu bổ. Nhiều trường hợp can thiệp thiếu cơ sở khoa học đã làm biến dạng hoặc làm mất giá trị nguyên gốc của di vật. Điều này phản ánh khoảng cách giữa lý thuyết bảo tồn và thực tiễn triển khai tại địa phương, đặc biệt trong bối cảnh nguồn lực tài chính và nhân lực còn hạn chế. Ngoài ra, sự suy giảm vai trò xã hội của đình làng trong đời sống đương đại cũng là một nguyên nhân sâu xa ảnh hưởng đến công tác bảo tồn. Khi đình làng không còn là trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng như trước, động lực gìn giữ và phát huy giá trị di sản từ phía cộng đồng cũng giảm sút đáng kể. Điều này cho thấy bảo tồn di sản không thể tách rời khỏi việc tái kích hoạt chức năng văn hóa, xã hội của đình làng trong bối cảnh mới.

Từ những phân tích trên, có thể nhận định rằng thách thức lớn nhất trong bảo tồn di vật mỹ thuật gỗ không nằm ở từng yếu tố riêng biệt, mà ở sự thiếu liên kết giữa các yếu tố: kỹ thuật - văn hóa - cộng đồng - quản lý. Do đó, các giải pháp bảo tồn cần được xây dựng theo hướng tích hợp, đồng thời chú trọng đến vai trò của cộng đồng như một chủ thể trung tâm của di sản.

4. Kết luận

Di vật mỹ thuật chất liệu gỗ trong kiến trúc đình làng Việt Nam là một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa dân tộc, phản ánh sâu sắc đời sống tinh thần, tín ngưỡng và trình độ thẩm mỹ của cộng đồng làng xã qua nhiều thế kỷ. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, các di vật này đang phải đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng, từ tác động của môi trường tự nhiên, sự xuống cấp của kết cấu kiến trúc, đến những hạn chế trong công tác bảo tồn và sự biến đổi của đời sống xã hội. Bài viết đã nhận diện các yếu tố chính tác động đến quá trình suy giảm giá trị của di vật mỹ thuật gỗ, đồng thời chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa bảo tồn vật thể và bối cảnh văn hóa, xã hội của đình làng. Trên cơ sở đó, nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của một cách tiếp cận bảo tồn tổng thể, kết hợp giữa khoa học - công nghệ, tri thức bản địa và sự tham gia của cộng đồng.

Về mặt học thuật, bài viết góp phần bổ sung cách nhìn liên ngành trong nghiên cứu bảo tồn di sản mỹ thuật truyền thống, đặc biệt là trong bối cảnh các di sản gắn với không gian làng xã đang dần bị “phi chức năng hóa”. Về mặt thực tiễn, các gợi ý trong nghiên cứu có thể là cơ sở tham khảo cho việc xây dựng chính sách và giải pháp bảo tồn phù hợp, hướng tới mục tiêu vừa gìn giữ giá trị nguyên gốc, vừa phát huy hiệu quả di sản trong đời

sống đương đại. Trong thời gian tới, cần tiếp tục có những nghiên cứu chuyên sâu hơn về kỹ thuật bảo tồn vật liệu gỗ, cũng như mô hình quản lý di sản dựa vào cộng đồng, nhằm đảm bảo tính bền vững cho việc bảo tồn và phát huy giá trị kiến trúc đình làng Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự. (2013). *Đình làng Việt*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
2. Lê Thị Hồng Nhung. (2023). *Những nhân tố ảnh hưởng đến sự biến đổi của đình làng truyền thống ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật. Số 530.
3. Lê Văn Hưu. (1993). *Đại Việt sử ký*. (Tập 2). Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
4. Lê Sơn Phương Ngọc. (2021, 16 tháng 3) *Một số vấn đề xung quanh ngôi đình làng Việt*. Tạp chí điện tử Người đô thị. <https://nguoidothi.net.vn/mot-so-van-de-xung-quanh-ngoi-dinh-lang-viet-31158.html>
5. Lê Văn Tạo. (2026). *Dòng chảy mỹ thuật Đông Nam Á*. Nhà xuất bản Mỹ thuật.
6. Ngô Đức Thọ. (1993). *Đại Việt sử ký toàn thư*. (Tập 1). Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
7. Nguyễn Ngọc Tùng. (2020). *Vài nét kiến trúc trụ biểu đình làng Huế*. Tạp chí Kiến trúc.
8. Phan Bảo An, Đỗ Như Bảo. (2022). *Lưu giữ và bảo tồn các giá trị văn hóa kiến trúc đình làng trong phát triển đô thị Đà Nẵng*, Tạp chí Kiến trúc. Số 9.
9. Seethal C. P. (2019). *Travel of the Carved Wood: Reading Architectural Carvings and Designs in Asian Context (Hành trình của gỗ chạm khắc: Đọc hiểu các tác phẩm chạm khắc và thiết kế kiến trúc trong bối cảnh châu Á)*. Journal of Multidisciplinary in Archeology.
10. Tăng Bá Hoành. (2004). *Vị thế của đình làng trong đời sống của người Việt*. Tạp chí Di sản văn hóa. Số 6.
11. Trần Lâm Biền. (2014). *Đình làng Việt vùng châu thổ Bắc Bộ*. Nhà xuất bản Thế giới.
12. Uông Thị Mai Hương. (2020). *Mỹ thuật đình làng thế kỷ XVIII ở Nghệ An (qua nghiên cứu đình làng Đông Viên, Hoành Sơn, Trung Càn)*. Luận án Tiến sĩ, Chuyên ngành Lý luận lịch sử Mỹ thuật. Về mặt học thuật, bài viết góp phần bổ sung cách nhìn liên ngành trong nghiên cứu bảo tồn di sản mỹ 112Số 642 Tháng 5-2026.